

HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH LẤY MẪU

cho đánh giá nhanh các axit béo chuyển hóa trong thực phẩm

Tài liệu này phác thảo các bước chính nhằm thiết kế nghiên cứu và thu thập các mẫu để đánh giá mức độ axit béo chuyển hóa (TFA) trong các nguồn thực phẩm chính chứa TFA được sản xuất công nghiệp (iTFA) trong một quần thể cụ thể. Mục đích của nghiên cứu nhằm nâng cao nhận thức và hỗ trợ hoạt động chính sách để loại bỏ iTFA hoặc giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành. Việc phân tích tất cả những gói hoặc khẩu phần thực phẩm hiện có là điều không thể hoặc không cần thiết. Việc giới hạn phạm vi địa lý, lĩnh vực và các loại thực phẩm để lấy mẫu và kiểm tra sẽ giúp tiết kiệm những nguồn lực và thời gian cần thiết, đồng thời cung cấp các ước tính về mức TFA trong các loại thực phẩm thông thường và hay được tiêu thụ. Một đánh giá sát sao và nhanh chóng về thực phẩm là cách tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy hoạt động chính sách.

SỬ DỤNG TÀI LIỆU NÀY NHƯ HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU VÀ THU THẬP MẪU THỰC PHẨM ĐỂ PHÂN TÍCH TFA TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM. LÝ DO THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ THỰC PHẨM (SO VỚI CHẤT BÉO VÀ DẦU ĂN) BAO GỒM:

- Các loại thực phẩm chính được xác định có thể là nguồn cung cấp iTFA trong quần thể;
- Tồn tại thị trường nhập khẩu thực phẩm lớn trong nước (thực phẩm đóng gói được làm bằng chất béo và dầu được sản xuất ở nước ngoài); hoặc
- Có các lý do chính trị hoặc chính sách để kiểm tra thực phẩm, chẳng hạn như tài liệu cho thấy iTFA hiện hữu trên thị trường, hoặc nhằm kiểm tra mức iTFA hiện tại cũng như theo dõi sự thay đổi trước và sau khi ban hành quy định.

Đặt vấn đề

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến nghị tất cả mọi người nên tiêu thụ TFA dưới 1% tổng năng lượng hàng ngày. Để đạt được điều này, các quốc gia nên thực hiện các chính sách thực tiễn tốt nhất – có thể đặt mức giới hạn đối với iTFA dưới 2% tổng lượng chất béo trong tất cả các chất béo, dầu và thực phẩm, hoặc cấm sử dụng hoặc buôn bán dầu hydro hóa một phần (PHO). PHO là nguồn cung cấp iTFA chính ở hầu hết các quốc gia. Mức iTFA thấp hơn cũng có thể được hình thành trong quá trình lọc dầu bằng cách sử dụng nhiệt độ cao. Nghiên cứu sơ bộ có thể được thực hiện tại các khu vực địa lý quan trọng trong một quốc gia nhằm đánh giá lượng TFA hiện có trong nguồn cung cấp thực phẩm để hỗ trợ các chính sách thực tiễn tốt nhất.

Mục tiêu nghiên cứu

Thu thập các mẫu [loại thực phẩm] từ [loại cửa hàng thực phẩm] ở [khu vực địa lý] để phân tích TFA trong phòng thí nghiệm.



Thiết kế nghiên cứu

1 Lựa chọn khu vực địa lý

Chọn 1 khu vực địa lý (ví dụ: thành phố) trong cả nước để đánh giá. Ưu tiên cho khu vực đông dân nhất, khu vực có ảnh hưởng chính trị hoặc khu vực có thể tiếp cận được nhân viên và phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện đánh giá, và nơi các sản phẩm chứa iTFA có thể dễ dàng mua được. Nếu vì lý do chính trị hoặc lý do quan trọng nào khác, có thể chọn 2 khu vực địa lý thay vì 1 khu vực.

2 Lựa chọn lĩnh vực thực phẩm

Lựa chọn thực phẩm được đóng gói và / hoặc được chế biến sẵn. Những loại thực phẩm này thường chiếm nguồn tiêu thụ iTFA chủ yếu của một quốc gia. Thực phẩm tại nhà hàng cũng có thể đóng góp vào việc tiêu thụ iTFA ở các nước. Nếu các lĩnh vực thực phẩm khác ngoài thực phẩm đóng gói và chế biến sẵn được cho là cung cấp nguồn iTFA, có thể thêm các lĩnh vực đó. Lưu ý về thực phẩm chế biến sẵn: Nếu việc vận chuyển phức tạp do bao gồm các mặt hàng dễ hỏng và cần có đá khô, có thể không cần bao gồm các mặt hàng dễ hỏng vào trong đánh giá.

3 Lựa chọn loại cửa hàng thực phẩm

Lựa chọn siêu thị/chợ, tiệm bánh độc lập/chuỗi các tiệm bánh và/hoặc chợ thực phẩm không chính thức làm loại cửa hàng thực phẩm để đánh giá. Đây thường là các loại cửa hàng phổ biến để mua thực phẩm đóng gói và chế biến sẵn ở các quốc gia. Không nên đưa vào trong đánh giá nếu các nhà cung cấp thực phẩm không chính thức không phải là cửa hàng thực phẩm phổ biến. Nên đưa vào trong đánh giá nếu có các loại cửa hàng khác phổ biến hơn ở quốc gia cho các lĩnh vực thực phẩm được chọn. Số lượng các loại cửa hàng thực phẩm nên được dựa trên các nguồn lực có sẵn. Nếu tổng số mẫu trong đánh giá cần phải giảm dựa trên ngân sách có sẵn, hãy loại bỏ các loại cửa hàng ít phổ biến hơn. Ví dụ, đánh giá ban đầu này chỉ có thể bao gồm các thực phẩm chế biến từ các tiệm bánh. Bảng 1 cung cấp các ví dụ về các loại cửa hàng thực phẩm theo lĩnh vực thực phẩm

4 Lựa chọn loại thực phẩm

Chọn 3 loại thực phẩm cho mỗi loại cửa hàng trong đánh giá. Nếu các loại cửa hàng khác được chọn để đánh giá, hãy chọn 3 loại thực phẩm cho mỗi loại cửa hàng. Các danh mục nên đại diện cho các loại thực phẩm thường được tiêu thụ trong nước và có khả năng cao chứa nhiều iTFA. Đối với nhiều quốc gia, loại thực phẩm thường chứa TFA đã được xác định; xem xét cả những tài liệu được xuất bản cũng như tài liệu xám để tìm dữ liệu TFA hiện có. Các tổ chức phi chính phủ, nhà nghiên cứu học thuật, ngành công nghiệp và chính phủ cũng có thể là nguồn dữ liệu cho TFA. Các nguồn thông tin khác về thực phẩm có khả năng chứa TFA bao gồm: nhãn mác hàng hóa, ngành công nghiệp thực phẩm, các quốc gia khác, và cơ sở dữ liệu quốc gia về thành phần dinh dưỡng hoặc thực phẩm. Nếu có nhiều nguồn lực hơn, các loại thực phẩm bổ sung có thể được bao gồm; tuy nhiên, những đánh giá đầy đủ hơn về các loại thực phẩm nên được ưu tiên hơn các đánh giá một phần của nhiều loại thực phẩm

(ưu tiên kiểm tra nhiều mặt hàng hơn trong số ít các loại thực phẩm so với kiểm tra ít mặt hàng hơn trong số nhiều các loại thực phẩm). Bảng 1 cung cấp các ví dụ về các loại thực phẩm theo lĩnh vực thực phẩm và loại thực phẩm có thể chứa iTFA.



5 Lựa chọn khu dân cư

Đối với khu vực địa lý đã chọn (ví dụ: thành phố), xác định tất cả các khu dân cư, sử dụng dữ liệu có sẵn (ví dụ: dữ liệu điều tra dân số). Phân loại các khu dân cư thành 2 nhóm tình trạng kinh tế xã hội (SES) (ví dụ: thu nhập cao/trung bình, thu nhập thấp) dựa trên dữ liệu có sẵn (ví dụ: giá thuê nhà, dữ liệu điều tra dân số). Loại bỏ bất kỳ khu dân cư nào không có tính đại diện (ví dụ: dân cư thưa thớt, vùng sâu vùng xa). Tạo danh sách được đánh số của tất cả các khu dân cư bao gồm mỗi trong số 2 nhóm SES. Sử dụng trình tạo số ngẫu nhiên để chọn 2 khu dân cư được truy cập cho mỗi nhóm SES. Nếu chợ thực phẩm không chính thức được đưa vào đánh giá, hãy giới hạn danh sách chỉ bao gồm các khu vực có chợ thực phẩm không chính thức. Bảng 2 là một mẫu có thể được sử dụng.

6 Lựa chọn cửa hàng thực phẩm cụ thể

Trong mỗi 4 khu dân cư được chọn, chọn 1 tiệm bánh phổ biến, 1 siêu thị phổ biến (hoặc chợ hoặc cửa hàng tạp hóa) và 1 chợ thực phẩm không chính thức phổ biến nơi người tiêu dùng thường mua thực phẩm trong các loại thực phẩm được chọn trước đó (trong phần 4). Nếu các lĩnh vực thực phẩm hoặc loại cửa hàng khác nhau được chọn để đánh giá, hãy sửa đổi cho phù hợp. Sử dụng các cuộc phỏng vấn chính cung cấp thông tin (ví dụ: hướng dẫn viên tại địa phương, thành viên hội đồng thành phố, cán bộ y tế địa phương) hoặc xem xét phương tiện truyền thông/phương tiện xã hội để có được thông tin về hầu hết các cửa hàng thực phẩm phổ biến. Nếu có nhiều hơn 1 cửa hàng phổ biến (được nhiều người tiêu dùng ghé thăm), tạo một danh sách và chọn ngẫu nhiên 1 cửa hàng. Đối với chợ thực phẩm không chính thức, 1 chợ (bao gồm một số nhà cung cấp thực phẩm) tương đương với 1 cửa hàng.

7 Lựa chọn mặt hàng thực phẩm và thương hiệu

Chọn 3 mặt hàng thực phẩm phổ biến từ mỗi loại thực phẩm được chọn cho mỗi cửa hàng. Xem xét dữ liệu bán hàng hoặc phỏng vấn chủ sở hữu hoặc nhân viên của cửa hàng để cung cấp thông tin lựa chọn các mặt hàng thực phẩm nếu có nhiều hơn 3 mặt hàng trong một danh mục. Đối với chợ thực phẩm không chính thức, thực hiện khảo sát một mẫu ngẫu nhiên các nhà cung cấp tại các thị trường được chọn để đánh giá thói quen mua hàng và xác định thực phẩm được mua phổ biến nhất. (Phụ lục 1)

Bước lựa chọn mặt hàng thực phẩm này có thể được thực hiện bởi người thu thập mẫu tại thời điểm lấy mẫu.

Dựa trên các bước 1 - 7, tạo một khung/danh sách thu thập mẫu mà người thu thập dữ liệu sẽ sử dụng để ghé thăm các cửa hàng và thu thập các mẫu thực phẩm (xem Bảng 3 dưới dạng mẫu). Số lượng mẫu cho mỗi mặt hàng sẽ được xác định bởi người thu thập mẫu và sẽ phụ thuộc vào trọng lượng của từng mặt hàng (cần tối thiểu 150g mỗi mẫu thực phẩm để phân tích axit béo). Tổng số mẫu sẽ được cập nhật tương ứng.

¹ Với mục đích của giao thức này, một "chợ thực phẩm không chính thức" được định nghĩa là một khu vực công cộng với sự tập trung của ít nhất 10 nhà cung cấp thức ăn "đường phố" (xe đẩy, quầy hàng) bán thực phẩm chế biến sẵn.



Thu thập mẫu, lưu trữ và vận chuyển

Tuyển dụng và đào tạo các nhà nghiên cứu tại địa phương để thu thập, lưu trữ và vận chuyển các mẫu thực phẩm đến phòng thí nghiệm. Thủ tục lấy mẫu, lưu kho và vận chuyển:

1. Đối với nhóm SES đầu tiên, đi đến khu dân cư đầu tiên và vào cửa hàng thực phẩm đầu tiên
2. Khi đã ở trong cửa hàng, tìm và mua từng mặt hàng thực phẩm trong danh sách thu thập mẫu. Nếu việc lựa chọn mặt hàng để lấy mẫu đang được thực hiện tại thời điểm lấy mẫu, xem hướng dẫn trong bước 7 của thiết kế nghiên cứu
 - a. Thu thập tối thiểu 150g với mỗi mặt hàng thực phẩm. Có thể cần phải mua một vài gói hoặc vài khẩu phần của một mặt hàng. Đặt mẫu của từng mặt hàng vào túi Ziploc có khóa kéo với mã định danh duy nhất. Nếu nhiều mẫu của cùng một mặt hàng được thu thập, các mẫu nên được đựng vào 1 túi Ziploc có khóa kéo với mã định danh duy nhất
 - b. Trong khi ở cửa hàng, ghi lại giá của từng mặt hàng trên nhãn dán và đặt nhãn dán trên mỗi mặt hàng
 - c. Đặt từng mặt hàng được mua từ 1 nhà cung cấp trong 1 túi và điền thông tin thành phố, loại cửa hàng của nhà cung cấp, SES, khu dân cư, ngày và tổng số các mặt hàng đã mua

Đặt tất cả các mẫu dễ hỏng trong một thùng đá. Các mặt hàng dễ hỏng là bất cứ thứ gì cần được lưu trữ trong tủ lạnh. Các mặt hàng không dễ hỏng không cần phải vận chuyển hoặc lưu trữ lạnh.

Lưu ý - Nếu cửa hàng không có tất cả các mặt hàng thực phẩm trong mỗi danh mục, hãy mua những thứ có sẵn tại cửa hàng đó, sau đó đến bất kỳ cửa hàng nào của nhà cung cấp gần đó đáp ứng tiêu chí về nhóm SES/nhà cung cấp/cửa hàng và mua các mặt hàng còn lại. Nếu cửa hàng thứ hai không có sẵn các mặt hàng còn lại, hãy thử cửa hàng thứ ba. Nếu các mặt hàng thực phẩm còn lại vẫn không thể được tìm thấy ở cửa hàng thứ ba, hãy mua mặt hàng tương tự tiếp theo và chuyển sang cửa hàng tiếp theo trong danh sách.

Lưu ý - Chợ thực phẩm không chính thức, mặc dù bao gồm nhiều nhà cung cấp, sẽ được coi như 1 cửa hàng. Sau khi hoàn thành bảng câu hỏi và các bước được nêu trong Phụ lục 1, người thu thập dữ liệu nên mua 3 mặt hàng thực phẩm phổ biến được xác định cho từng loại thực phẩm được ghi trong Bảng 3 (Khung thu thập mẫu). Từ mẫu của các nhà cung cấp được khảo sát, người thu thập dữ liệu có thể mua từ bất kỳ nhà cung cấp nào cung cấp các mặt hàng thực phẩm phổ biến đã chọn và mua với số lượng đủ nhiều để đảm bảo mẫu được thu thập từ mỗi mặt hàng thực phẩm phổ biến cho từng loại thực phẩm.

3. Vẫn ở khu vực đầu tiên của nhóm SES đầu tiên, đến các cửa hàng thực phẩm thứ hai và thứ ba và làm theo các bước tương tự
4. Vẫn trong nhóm SES đầu tiên, đến khu dân cư thứ hai và đi đến cửa hàng thực phẩm thứ nhất, thứ hai và thứ ba và làm theo các bước tương tự.



5. Đối với nhóm SES thứ hai, hãy làm theo các bước tương tự như đối với nhóm SES đầu tiên
6. Sau khi trở lại văn phòng, hãy gắn nhãn cho mỗi sản phẩm bằng một mã định danh duy nhất và ghi lại thông tin về từng sản phẩm trong cơ sở dữ liệu Excel (Phụ lục 2). Các chi tiết sau đây cho mỗi sản phẩm phải được ghi lại trong Excel:
- | | | |
|--------------------------------------|---|--------------------------------|
| a. Mã định danh duy nhất | f. Thông tin về dinh dưỡng, bao gồm SFA, TFA, tổng số chất béo (nếu có trên nhãn mác thông tin về dinh dưỡng) | i. Chất lượng sản phẩm |
| b. Loại thực phẩm | g. Danh sách nguyên liệu thành phần (nếu thành phần có chứa dầu hydro hóa hoặc chất tương tự) | j. Giá sản phẩm |
| c. Tên mặt hàng có chứa dầu/chất béo | h. Trọng lượng sản phẩm (grams) | k. Ngày hết hạn in trên bao bì |
| d. Nhãn hiệu | | l. Địa điểm thành phố mua hàng |
| e. Tên nhà sản xuất và địa điểm | | m. Nhóm SES |
| | | n. Tên cửa hàng |
| | | o. Ngày mua |
7. Vận chuyển hoặc gửi mẫu đến phòng thí nghiệm để phân tích. Các mặt hàng dễ hỏng nên được vận chuyển cùng với đá khô. Nếu thời gian vận chuyển lâu hơn 3 ngày, đá khô phải được thay 3 ngày một lần. Điều này nhằm tránh các mẫu thực phẩm bị hỏng. Các mặt hàng không dễ hỏng không cần phải vận chuyển hoặc lưu trữ lạnh.

Lưu ý về lựa chọn phòng thí nghiệm - Các phòng thí nghiệm phải có khả năng thực hiện sắc ký khí với máy dò ion hóa ngọn lửa (GC-FID) với cột GC 100 mét. Hướng dẫn đầy đủ về cách chọn phòng thí nghiệm để tiến hành phân tích các mẫu thực phẩm có sẵn trên trang web WHO REPLACE (xem Phụ lục 2 của [Mô-đun REPLACE 4](#)).

Lưu ý về vận chuyển mẫu - Nên ưu tiên cho các phòng thí nghiệm trong nước đủ năng lực để tránh việc vận chuyển quốc tế. Nếu các mẫu cần được chuyển đi đến phòng thí nghiệm quốc tế, các yêu cầu về hải quan sẽ phụ thuộc vào quốc gia nhận mẫu và mặt hàng. Ví dụ, một số quốc gia không cho phép nhập đá khô nhập vào nước họ; một số quốc gia có quá trình xem xét và phê duyệt hải quan kéo dài cho các sản phẩm hoặc đối tượng nghiên cứu từ động vật. Quy trình hậu cần hải quan cần được xác minh trước khi quy trình lấy mẫu bắt đầu. Đại lý hải quan có thể hỗ trợ trong việc xác minh các yêu cầu và quy trình. Việc vận chuyển bằng đường du lịch được khuyến khích nếu có thể.

Lưu ý về mặt hàng dễ hỏng - Nếu việc vận chuyển phức tạp bởi phải bao gồm các mặt hàng dễ hỏng và đá khô, có thể loại bỏ các mặt hàng này khỏi bộ mẫu.



Bảng 1. Khung lấy mẫu thực phẩm

1 khu vực địa lý _____						
2 FLĩnh vực thực phẩm <i>Đánh dấu vào lĩnh vực</i>	<input type="checkbox"/> Thực phẩm đóng gói sẵn		<input type="checkbox"/> Thực phẩm chế biến sẵn			
3 Loại cửa hàng thực phẩm <i>Đánh dấu vào loại cửa hàng cho các lĩnh vực được lựa chọn</i>	<input type="checkbox"/> Siêu thị/Chợ	<input type="checkbox"/> Khác: _____ _____ _____	<input type="checkbox"/> Tiệm bánh (chuỗi/ độc lập)	<input type="checkbox"/> Chợ thực phẩm không chính thức	<input type="checkbox"/> Nhà hàng (chuỗi/ đồ ăn nhanh)	<input type="checkbox"/> Khác: _____ _____ _____
4 Loại thực phẩm <i>Đánh dấu vào 3 loại cho mỗi loại cửa hàng được chọn</i>	<input type="checkbox"/> Bánh <input type="checkbox"/> Ngũ cốc <input type="checkbox"/> Kem cà phê <input type="checkbox"/> Gia vị <input type="checkbox"/> Kẹo <input type="checkbox"/> Sữa <input type="checkbox"/> Đồ đông lạnh <input type="checkbox"/> Mì gói <input type="checkbox"/> Các loại bánh <input type="checkbox"/> Đồ ăn nhẹ <input type="checkbox"/> Khác (thường được tiêu thụ và chế biến sử dụng chất béo/dầu): _____	<input type="checkbox"/> _____	<input type="checkbox"/> Bánh quy (mặn) <input type="checkbox"/> Bánh quy (ngọt) <input type="checkbox"/> Bánh kem <input type="checkbox"/> Bánh kẹo <input type="checkbox"/> Bánh rán <input type="checkbox"/> Các loại bánh (mặn) <input type="checkbox"/> Các loại bánh (ngọt) <input type="checkbox"/> Khác (thường được tiêu thụ và chế biến sử dụng chất béo/dầu): _____ _____ _____	<input type="checkbox"/> Bánh <input type="checkbox"/> Kẹo <input type="checkbox"/> Bánh rán <input type="checkbox"/> Món chiên <input type="checkbox"/> Đồ ăn nhẹ chiên <input type="checkbox"/> Các loại bánh <input type="checkbox"/> Khác (thường được tiêu thụ và chế biến sử dụng chất béo/dầu): _____ _____ _____	<input type="checkbox"/> Bánh <input type="checkbox"/> Kẹo <input type="checkbox"/> Bánh rán <input type="checkbox"/> Món chiên <input type="checkbox"/> Đồ ăn nhẹ chiên <input type="checkbox"/> Các loại bánh <input type="checkbox"/> Khác (thường được tiêu thụ và chế biến sử dụng chất béo/dầu): _____ _____ _____	<input type="checkbox"/> _____



Bảng 2. Khung lấy mẫu vị trí

<p>5 Lựa chọn khu dân cư <i>Sử dụng số ngẫu nhiên</i></p>	Nhóm SES	Thu nhập cao (HI)	Thu nhập thấp (LI)
	Số ngẫu nhiên	_____	_____
<p>6 Chọn cửa hàng cụ thể <i>Sử dụng các cuộc phỏng vấn chính cung cấp thông tin</i></p>	Khu dân cư 1	HI-N1 _____	LI-N1 _____
	Tiệm bánh số 1	HI-N1-B1 _____	LI-N1-B1 _____
	Siêu thị số 1	HI-N1-M1 _____	LI-N1-M1 _____
	Chợ thực phẩm không chính thức số 1	HI-N1-IM1 _____	LI-N1-IM1 _____
	Khu dân cư 2	HI-N2 _____	LI-N2 _____
	Tiệm bánh số 2	HI-N2-B1 _____	LI-N2-B1 _____
	Siêu thị số 2	HI-N2-M1 _____	LI-N2-M1 _____
	Chợ thực phẩm không chính thức số 2	HI-N2-IM1 _____	LI-N2-IM1 _____



7 **Bảng 3. Khung thu thập mẫu**

**có thể cần nhiều hơn 1 mẫu mặt hàng riêng biệt để đáp ứng yêu cầu trọng lượng tối thiểu.*

Lĩnh vực Thực phẩm đóng gói sẵn

Loại cửa hàng Chợ/Siêu thị

Cửa hàng	Loại	Mặt hàng/nhãn hiệu	Số lượng mẫu đã mua*	Số lượng mẫu để phân tích phòng thí nghiệm	Tổng số lượng mẫu
HI-N1-M1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
HI-N2-M1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	



Bảng 3. tiếp tục

Cửa hàng	Loại	Mặt hàng/nhãn hiệu	Số lượng mẫu đã mua*	Số lượng mẫu để phân tích phòng thí nghiệm	Tổng số lượng mẫu
LI-N1-M1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
LI-N2-M1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
Tổng thực phẩm tại chợ/siêu thị					36



Bảng 3. tiếp tục

Lĩnh vực *Thực phẩm đóng gói sẵn*

Loại cửa hàng *Tiệm bánh*

Cửa hàng	Loại	Mặt hàng/nhãn hiệu	Số lượng mẫu đã mua*	Số lượng mẫu để phân tích phòng thí nghiệm	Tổng số lượng mẫu
HI-N1-B1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
HI-N2-B1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	



Bảng 3. tiếp tục

Cửa hàng	Loại	Mặt hàng/nhãn hiệu	Số lượng mẫu đã mua*	Số lượng mẫu để phân tích phòng thí nghiệm	Tổng số lượng mẫu
LI-N1-B1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
LI-N2-B1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
Tổng, Thực phẩm tại tiệm bánh					36



Bảng 3. tiếp tục

Lĩnh vực *Thực phẩm chế biến sẵn*

Loại cửa hàng *Chợ thực phẩm không chính thức*

Cửa hàng	Loại	Mặt hàng/nhãn hiệu	Số lượng mẫu đã mua*	Số lượng mẫu để phân tích phòng thí nghiệm	Tổng số lượng mẫu
HI-N1-IM1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
HI-N2-IM1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	



Bảng 3. tiếp tục

Cửa hàng	Loại	Mặt hàng/nhãn hiệu	Số lượng mẫu đã mua*	Số lượng mẫu để phân tích phòng thí nghiệm	Tổng số lượng mẫu
LI-N1-IM1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
LI-N2-IM1	1 _____	1	1	1	9
		2	1	1	
		3	1	1	
	2 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
	3 _____	1	1	1	
		2	1	1	
		3	1	1	
Tổng, thực phẩm tại thị trường không chính thức					36
Tổng, Chợ, Tiệm bánh, chợ thực phẩm không chính thức					108